



**14624 East 14<sup>th</sup> Street San Leandro, CA 94578**

**Phone (510)827-1114 – Fax (510) 827-1232**

**Website: [WWW.BBABC.EDUCATION](http://WWW.BBABC.EDUCATION)**

**THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2022 & 2023**

**Khóa học Chăm sóc móng 400 giờ**

**Tỉ lệ hoàn thành khóa học (Tỉ lệ tốt nghiệp)**

Bao gồm dữ liệu học tập của 2 năm học trước

| Năm học | Số lượng học viên bắt đầu khóa học | Học viên sẵn sàng tốt nghiệp | Học viên sắp tốt nghiệp đúng hạn | Tỉ lệ hoàn thành khóa học đúng hạn |
|---------|------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|
| 2020    | 13                                 | 13                           | 13                               | 13                                 |
| 2021    | 35                                 | 35                           | 35                               | 35                                 |

Chữ ký tắt của học viên : \_\_\_\_\_ Ngày: \_\_\_\_\_

Chỉ ký khi bạn đã dành thời gian đọc và hiểu toàn bộ thông tin.

Học viên hoàn thành trong khoảng 150% thời gian khóa học

| Năm học | Số lượng học viên bắt đầu khóa học | Học viên sẵn sàng tốt nghiệp | 150 % học viên tốt nghiệp | Tỉ lệ hoàn thành 150 % |
|---------|------------------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------|
| 2020    | 13                                 | 13                           | 150%                      | 150%                   |
| 2021    | 35                                 | 35                           | 150%                      | 150%                   |

Chữ ký tắt của học viên : \_\_\_\_\_ Ngày: \_\_\_\_\_

Chỉ ký khi bạn đã dành thời gian đọc và hiểu toàn bộ thông tin.

**Tỉ lệ việc làm (bao gồm dữ liệu của 2 năm học trước)**

| Năm học | Số lượng học viên bắt đầu khóa học | Học viên đã tốt nghiệp | Học viên sẵn sàng làm việc | Học viên đã có việc làm | % tỉ lệ học viên làm việc trong ngành |
|---------|------------------------------------|------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------------------|
| 2020    | <u>13</u>                          | <u>13</u>              | <u>13</u>                  | <u>13</u>               | <u>100%</u>                           |
| 2021    | <u>35</u>                          | <u>35</u>              | <u>35</u>                  | <u>35</u>               | <u>100%</u>                           |

Bạn có thể tham khảo từ nhân viên tuyển sinh của trường danh sách các vị trí công việc thích hợp với khóa đào tạo của mình bằng cách yêu cầu mẫu đơn từ văn phòng đại diện của trường.

**Thời gian làm việc của học viên (bao gồm dữ liệu của 2 năm học trước)**

**Làm việc Bán thời gian hoặc Toàn thời gian**

| Năm học | Học viên làm việc 24-32 giờ mỗi tuần | Học viên làm việc 16-24 giờ mỗi tuần | Tổng số học viên làm việc trong ngành |
|---------|--------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|
| 2020    | <u>0</u>                             | <u>1</u>                             | <u>1</u>                              |
| 2021    | <u>19</u>                            | <u>0</u>                             | <u>19</u>                             |

Việc làm độc lập vs Theo nhóm

| Năm học | Học viên tốt nghiệp đang làm việc độc lập | Học viên tốt nghiệp đang làm việc theo nhóm | Tổng số học viên làm việc trong ngành |
|---------|---|---|---------------------------------------|
| 2020    | <u>10</u>                                 | <u>3</u>                                    | <u>13</u>                             |
| 2021    | <u>35</u>                                 | <u>0</u>                                    | <u>35</u>                             |

Chữ ký tắt của học viên : \_\_\_\_\_ Ngày: \_\_\_\_\_

Chỉ ký khi bạn đã dành thời gian đọc và hiểu toàn bộ thông tin.

Làm chủ/nghề tự do

| Năm học | Học viên tốt nghiệp đang làm chủ hoặc làm việc tự do | Tổng số học viên làm việc trong ngành |
|---------|--|---------------------------------------|
| 2020    | <u>10</u>  | <u>10</u>                             |
| 2021    | <u>35</u>  | <u>35</u>                             |

Làm việc cho trường thẩm mỹ

| Năm học | Học viên đã tốt nghiệp đang làm việc, làm chủ hay đồng sáng lập cùng với trường thẩm mỹ | Tổng số học viên làm việc trong ngành |
|---------|---|---------------------------------------|
| 2020    | <u>10</u>   | <u>0</u>                              |
| 2021    | <u>11</u>   | <u>11</u>                             |

Chữ ký tắt của học viên : \_\_\_\_\_ Ngày: \_\_\_\_\_

Chỉ ký khi bạn đã dành thời gian đọc và hiểu toàn bộ thông tin.

Nếu phần lớn sinh viên tốt nghiệp từ khoá học có thể làm chủ hoặc nghề tự do, hãy thêm:

- Công việc dành cho học viên tốt nghiệp khoá học này thường là công việc tự do hoặc tự làm chủ.
- Loại công việc này có thể không phù hợp với mình.
- Thời gian làm việc có thể dao động từ một ngày đến vài tuần hoặc vài tháng.
- Số giờ làm việc trong ngày hoặc tuần có thể nhiều hơn hoặc ít hơn so với thời gian truyền thống 8 giờ mỗi ngày hoặc 40 giờ trong tuần.
- Bạn có thể dành thời gian không được trả lương để mở rộng mạng lưới kinh doanh, quảng cáo, quảng bá dịch vụ hoặc nâng cao kỹ năng.
- Một khi sinh viên tốt nghiệp và bắt đầu công việc tự do hoặc tự làm chủ, họ sẽ được yêu cầu cung cấp tài liệu và bổ sung vào hồ sơ lịch sử việc làm của học viên.
- Học sinh kí xác nhận vào thông tin công bố này hiểu rằng phần lớn hoặc tất cả học sinh tốt nghiệp đều được tuyển dụng theo cách này và hiểu phong cách làm việc này.

Chữ ký tắt của học viên : \_\_\_\_\_ Ngày: \_\_\_\_\_

Chỉ ký khi bạn đã dành thời gian đọc và hiểu toàn bộ thông tin.

**Tỉ lệ Vượt qua Kỳ thi Cấp Bằng (bao gồm dữ liệu của 2 năm học trước)**

| Năm học | Số lượng học viên tốt nghiệp trong năm | Số lượng học viên đăng ký dự thi | Học viên vượt qua kỳ thi lần đầu tiên | Học viên không vượt qua kỳ thi lần đầu tiên | Tỉ lệ đậu   |
|---------|--|----------------------------------|---------------------------------------|---|-------------|
| 2020    | <u>13</u>                              | <u>13</u>                        | <u>13</u>                             | <u>0</u>                                    | <u>100%</u> |
| 2021    | <u>35</u>                              | <u>35</u>                        | <u>35</u>                             | <u>0</u>                                    | <u>100%</u> |

Chữ ký tắt của học viên : \_\_\_\_\_ Ngày: \_\_\_\_\_

Chỉ ký khi bạn đã dành thời gian đọc và hiểu toàn bộ thông tin.

**Thông tin về lương (bao gồm dữ liệu của 2 năm học trước)**

Lương thường niên và báo cáo về mức lương của học viên sau tốt nghiệp trong ngành

| Năm học | Học viên đã có việc làm | Học viên làm trong ngành | \$20,001 - \$25,000 | \$20,001 - \$25,000 | \$35,001 - \$40,000 | \$40,001 - \$45,000 | \$45,001 - \$50,000 | <u>Không có báo cáo thông tin</u> |
|---------|-------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|-----------------------------------|
| 2020    | <u>13</u>               | <u>13</u>                | <u>14,400</u>       | <u>0.0</u>          | <u>0.0</u>          | <u>0.0</u>          | <u>0.0</u>          | <u>N/A</u>                        |
| 2021    | <u>35</u>               | <u>35</u>                | <u>0.0</u>          | <u>0.0</u>          | <u>0.0</u>          | <u>42,000</u>       | <u>0.0</u>          | <u>N/A</u>                        |

Danh sách các nguồn được sử dụng công bố lương có sẵn tại trường. Bạn có thể yêu cầu danh sách này từ đại diện tuyển sinh của trường.

Chữ ký tắt của học viên : \_\_\_\_\_ Ngày: \_\_\_\_\_

Chỉ ký khi bạn đã dành thời gian đọc và hiểu toàn bộ thông tin.

**Học phí cho các khoá học**

Tổng số tiền cho khoá học nếu học viên hoàn thành đúng hạn trong năm 2019: \$2,000.

Phí phát sinh trong trường hợp học viên hoàn thành trễ hạn.

Chữ ký tắt của học viên : \_\_\_\_\_ Ngày: \_\_\_\_\_

Chỉ ký khi bạn đã dành thời gian đọc và hiểu toàn bộ thông tin.

**Mượn nợ từ Liên bang**

| Tỷ lệ mặc định toàn bộ trong ba năm gần đây nhất, theo báo cáo của Bộ Giáo dục Hoa Kỳ. | Phần trăm học viên của khoá học năm 2019 đã mượn nợ liên bang cho chương trình học | Trung bình số nợ chính phủ cho chương trình học của học viên tốt nghiệp năm 2019 tại trường | Phần trăm học viên tốt nghiệp năm 2019 mượn nợ liên bang để trả cho khoá học |
|--|--|---|--|
| 0  | 0  | 0   | 0  |

Tỷ lệ sinh viên cho các khoản vay mặc định liên bang được gọi là Tỷ lệ mặc định toàn bộ (CDR). Nó cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh của trường đã chậm

hơn 270 ngày (9 tháng) so với tổng khoản vay liên bang trong vòng ba năm kể từ lần thanh toán đầu tiên đáo hạn. Đây là CDR gần đây nhất được báo cáo bởi Bộ Giáo dục Hoa Kỳ.

**Chữ ký tắt của học viên :** \_\_\_\_\_ **Ngày:** \_\_\_\_\_

**Chỉ ký khi bạn đã dành thời gian đọc và hiểu toàn bộ thông tin.**

Tài liệu này được nộp cho Cục Giáo dục sau trung học tu nhân. Bất kể thông tin nào liên quan đến tỷ lệ hoàn thành, tỷ lệ việc làm, mức lương khởi điểm hoặc tỷ lệ vượt qua kỳ thi lấy bằng đều được căn cứ theo luật tiểu bang.

Bất kỳ câu hỏi có liên quan đến thông tin này, nếu chưa được tổ chức trả lời thỏa đáng sẽ được chuyển đến Bureau for Private Postsecondary Education at 2535 Capitol Oaks Drive, Suite 400, Sacramento, CA 95833, [www.bppe.ca.gov](http://www.bppe.ca.gov), Toll - số điện thoại miễn phí (888) 370-75 89 hoặc fax (916) 2 63-1897.

---

**Tên học viên (In hoa)**

---

**Chữ ký**

---

**Ngày**

---

**Đại diện trường**

---

**Ngày**

#### **Các thuật ngữ**

- Số lượng sinh viên bắt đầu khoá học có nghĩa là số lượng sinh viên bắt đầu một khoá học dự kiến và hoàn thành 100% thời gian được công bố trong báo cáo năm, ngoại trừ tất cả học viên đã huỷ học.
- Học sinh sẵn sàng tốt nghiệp là số học sinh bắt đầu khoá học trừ đi số học sinh đã chết, bị bắt giam hoặc được gọi đi nghĩa vụ quân sự.
- Số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng giờ là số lượng sinh viên đã hoàn thành 100% thời gian khoá học được công bố trong báo cáo năm.
- Tỷ lệ đang hoàn thành đúng giờ là số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn chia cho số lượng sinh viên tốt nghiệp.
- Sinh viên tốt nghiệp 150% là số lượng sinh viên đã hoàn thành 150% thời gian khoá học (bao gồm cả sinh viên tốt nghiệp đúng giờ).
- Tỷ lệ hoàn thành 150% là số lượng sinh viên đã hoàn thành trong phạm vi 150% thời gian khoá học được công bố, bao gồm cả sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, chia cho số lượng sinh viên tốt nghiệp.
- Sinh viên tốt nghiệp sẵn sàng làm việc nghĩa là số lượng sinh viên tốt nghiệp trừ đi số không có việc làm.
- Sinh viên tốt nghiệp thất nghiệp có nghĩa là sinh viên sau tốt nghiệp, bị tổng giam, được gọi đi nghĩa vụ quân sự, là du học sinh rời khỏi Hoa Kỳ hoặc không có visa làm việc tại Hoa Kỳ, hoặc đang học tại tổ chức sau trung học được công nhận hoặc phê duyệt.
- "Sinh viên tốt nghiệp được làm việc trong ngành" là sinh viên tốt nghiệp sau sáu tháng hoàn thành khoá học được tuyển dụng. Đối với các ngành nghề mà tiểu bang cần giấy phép hành nghề, kỳ thi đầu tiên được công bố trong vòng 6 tháng kể từ khi hoàn thành khoá học,
- "Tỷ lệ việc làm trong ngành" được tính bằng cách chia số lượng sinh viên tốt nghiệp làm việc trong ngành cho số lượng sinh viên tốt nghiệp có việc làm.
- "Số lượng sinh viên tốt nghiệp tham dự kỳ thi" là số lượng sinh viên tốt nghiệp tham gia kỳ thi đầu tiên trong năm được báo cáo.

- “Kỳ thi đầu tiên” là ngày cho kỳ thi đầu tiên sau khi học sinh hoàn thành chương trình.
- “Tỷ lệ Vượt qua kỳ thi” được tính bằng cách chia số lượng sinh viên tốt nghiệp vượt qua kỳ thi cho số lượng sinh viên tốt nghiệp đã tham gia kỳ thi được báo cáo.
- Số người đã vượt qua kỳ thi lần đầu tiên là số lượng sinh viên tốt nghiệp đã tham gia và vượt qua kỳ thi lần đầu tiên sau khi hoàn thành khoá học.
- Lương được báo cáo bởi nhà tuyển dụng tốt nghiệp hoặc sinh viên tốt nghiệp.
- Báo cáo không nhận được thông tin về lương là số lượng sinh viên tốt nghiệp không cung cấp cho trường thông tin về lương.

### **QUYỀN HỦY BỎ ĐĂNG KÍ CỦA HỌC VIÊN**

Học viên có quyền huỷ bỏ hợp đồng ghi danh và nhận lại chi phí vào ngày đầu nhập học hoặc ngày thứ 7 sau ghi danh (**7 ngày kể từ ngày bằng hợp đồng ghi danh được ký**). Huỷ bỏ hợp đồng ghi danh phải được nộp trực tiếp cho đại diện trường bằng văn bản rõ ràng, có thể được thực hiện bằng hình thức văn bản hoặc tự soạn, nhưng không bao gồm việc không tham gia lớp học.

### **CHÍNH SÁCH THÔI HỌC**

Căn cứ theo chỉ số điểm danh trung bình, những học viên có nhiều hơn hai tuần vắng mặt liên tiếp, (14 ngày theo lịch) sẽ bị mời ra khỏi trường. Tiêu chuẩn này sẽ áp dụng cho tất cả các học viên trừ những người nghỉ phép được phê duyệt (xem chính sách LOA). Những học viên vắng mặt từ 14 ngày trở lên đến 180 ngày được khuyến khích tham gia chương trình Nghỉ Phép (LOA). Ngày thôi học sẽ là ngày cuối cùng học sinh được nghỉ nhận học tại trường. Học viên nên quyết định rút khỏi trường sớm nhất có thể khi:

1. Ngày bạn thông báo cho Văn phòng về ý định thôi học của bạn
2. Ngày trường chấm dứt khoá học của bạn do bạn đã không đạt thành tích như quy định hoặc vi phạm các quy tắc và chính sách của trường như được nêu trong danh mục trường học.
3. Ngày bạn đã không tham gia lớp học liên tục trong vòng 14 ngày và không thông báo cho nhà trường về sự vắng mặt này.
4. Ngày bạn đã không trở lại như dự kiến kể từ ngày nghỉ phép như đã được phê duyệt. Ngày thôi học sẽ là ngày ghi cuối cùng mà bạn hiện diện tại trường. Ngày xác định thôi học sẽ là ngày trở lại trường theo lịch trình từ LOA.

### **CHÍNH SÁCH HOÀN TRẢ:**

Sau thời gian thôi học, trường sẽ hoàn trả lại **toàn bộ** các khoản học phí cho các học viên đã hoàn thành 60% hoặc ít hơn. Một khi học viên đã hoàn thành hơn 60% toàn bộ thời lượng khóa học (bao gồm cả khi vắng mặt), các khoản phí sẽ không được hoàn trả.

Phí đăng ký \$ 200,00 **không được hoàn trả**. Thiết bị, sách, vật tư, dụng cụ, đồng phục, bộ dụng cụ và bất kỳ vật phẩm nào khác do học viên mua và nhận được sẽ không được trả lại. Sau khi học viên nhận được bộ dụng cụ, học viên có trách nhiệm giữ gìn và bảo quản.

Nếu bạn hủy bỏ hợp đồng, trường sẽ hoàn trả bất kỳ khoản tiền nào bạn đã trả, ít hơn bất kỳ khấu trừ cho phí đăng ký và thiết bị nhận được. Nếu bạn rời khỏi trường sau thời gian hủy, chính sách hoàn trả được mô tả ở trên sẽ được áp dụng. Nếu số lượng bạn đã trả nhiều hơn số tiền bạn nợ cho thời gian học, hoàn trả sẽ được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày rút tiền. Xem phần Hoàn tiền phía dưới. Nếu số tiền bạn nợ nhiều hơn số tiền đã trả, thì bạn sẽ phải sắp xếp thanh toán số dư đó. Ngày rút tiền chính thức dựa vào thông báo của học sinh hoặc quyết định của trường.

**Chi phí mỗi giờ x Số giờ chưa tham gia = Tổng tiền hoàn lại**

Chi phí mỗi giờ là kết quả khi chia tổng chi phí khoá học cho tổng số giờ của khoá học đó.

Giờ học viên đã hoàn thành sẽ được trừ khỏi tổng số giờ của khoá học. chi phí đăng kí và STRF là chi phí không hoàn lại.

*Ví dụ hoàn tiền:* Giả sử một học viên, khi đăng ký khoá học 400 giờ, trả 3,200 đô la cho học phí, 200 đô la cho đăng ký (không hoàn lại), phí \$7.50 STRF và 400 đô la cho thiết bị (không hoàn lại), theo quy định trong hợp đồng đăng ký. Học viên hủy hợp đồng sau khi hoàn thành 200 giờ, nhưng dự kiến hoàn thành 240 giờ; khoản hoàn trả pro-rata sẽ được tính toán như sau:

| Tỷ lệ khóa học hàng giờ        | Học phí cho giờ đã hoàn thành       | Giờ đã trả nhưng chưa hoàn thành                     | Số tiền hoàn trả   | Tóm tắt   |
|--------------------------------|-------------------------------------|--|--|---|
| Học phí/Giờ dự kiến hoàn thành | # Số giờ dự kiến x #Học phí mỗi giờ | # Tổng số giờ của khoá - # Số giờ dự kiến hoàn thành | #Số giờ đã trả nhưng chưa hoàn thành x Tỷ lệ khoá học hàng giờ | Tổng học phí - Học phí cho giờ đã hoàn thành, Bộ đồ dùng, phí đăng ký |
| \$3,200/400                    | 240 x \$8.00                        | 400 - 240  | 160 x \$8.00   | \$3,807.5 - \$1,920 - \$400 - \$207.5                                 |
| \$8.00                         | \$1,920                             | 160 Hours  | \$1,280  | \$1,280   |

### **Chương trình trợ cấp tài chính Title IV:**

Ghi chú đặc biệt dành cho học viên được nhận trợ cấp Pell hoặc các khoản trợ cấp khác, nếu bạn rút khỏi trường trước khi hoàn thành 60% công việc trong thời gian thanh toán, phần trăm hoàn thành sẽ được áp dụng cho số tiền nhận được hay có thể nhận sẽ xác định số tiền viện trợ mà học viên hội đủ điều kiện nhận trợ cấp tài chính của Title IV. Khoản trợ cấp không được hỗ trợ sẽ được gửi trả lại chương trình mà học viên tham gia. Trợ cấp học viên nhận được được giới hạn trong khoảng 50% tổng số học bổng cho mỗi chương trình. Tính toán mẫu, hoàn thành 25% thời gian hoàn thành hoặc thời gian ghi danh chỉ kiếm được 25% số tiền được trợ cấp từ Title IV. Một tính toán thứ hai sẽ thực hiện để xác định số tiền thu được của tổ chức trong thời gian ghi danh. Nếu học sinh hội đủ điều kiện nhận khoản vay được bảo đảm bởi chính phủ liên bang hoặc tiểu bang và học sinh không trả được tiền vay, cả hai điều sau đây có thể xảy ra:

1. Chính phủ liên bang hoặc tiểu bang hoặc cơ quan bảo đảm khoản vay có thể hành động chống lại học sinh, bao gồm cả việc thu hồi bất kỳ khoản hoàn thuế thu nhập mà người đó có quyền, để giảm số dư nợ cho khoản vay.
2. Học sinh có thể không hội đủ điều kiện nhận bất cứ khoản trợ cấp tài chính của học viên liên bang nào khác tại cơ sở khác hoặc trợ cấp khác của chính phủ cho đến khi khoản vay được hoàn trả. Phí hoàn trả sẽ được chuyển tới trong vòng 45 ngày sau khi quyết định chính thức được công bố.

**Chữ ký tắt của học viên :** \_\_\_\_\_ **Ngày:** \_\_\_\_\_

**Chỉ ký khi bạn đã dành thời gian đọc và hiểu toàn bộ thông tin**